TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:85/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Huỳnh Hồng**.
+ Bà **Trần Thị Thu Hà**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H** – sinh năm: 1989 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 03/5/2019).

Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện D, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn B** - sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 4, xã N, huyện L, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/5/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn B do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh Nam, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 26/02/2013.

Sau ngày cưới chị và anh B sống chung với gia đình cha mẹ ruột của chị. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do anh B không đồng ý sống chung với gia đình cha mẹ ruột của chị, sau đó anh B yêu cầu chị về sống chung với gia đình cha mẹ của anh chị không đồng ý rồi tự ý anh B bỏ đi. Chị và anh B đã không còn sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay.

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn B.

- Về con chung: Chị và anh B có một con chung tên Phạm Huy T, sinh ngày 22/4/2013. Hiện nay cháu T đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn xin xác nhận của Công An xã Trung Nghĩa ngày 03/5/2019 do chị H cung cấp thì đương sự Phạm Văn B, sinh năm: 1973 đăng ký thường trú ấp 4, xã Trung Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Hiện tại đương sự đang có mặt tại địa phương. Anh Phạm Văn B đã được Tòa án tiến Hnh niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh B không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa. Xét việc vắng mặt của anh B không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 03/5/2019, Giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Sổ hộ khẩu (bản sao); Dịch vụ chuyển phát nhanh; bảng khai ý kiến; đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm.

Bị đơn vắng nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Phạm Văn B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chị Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Phạm Văn B vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh B nhưng anh B cũng không đến. Nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Phạm Văn B.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn B do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã An Thạnh Nam, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 26/02/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị H trình bày thì thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không đồng ý sống chung với gia đình cha mẹ ruột của chị, sau đó anh B yêu cầu chị về sống chung với gia đình cha mẹ của anh nhưng chị H không đồng ý rồi tự ý anh B bỏ đi. Chị và anh B không còn sống chung từ năm 2014 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay chị H yêu cầu ly hôn với anh B, anh B vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Có một người con chung tên Phạm Huy T, sinh ngày 22/4/2013. Hiện nay cháu T đang sống với chị H. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B vắng mặt nên giao cháu Phạm Huy T cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn B không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Văn B vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Văn B vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn B.

Về con chung: Có một con chung tên Phạm Huy T, sinh ngày 22/4/2013. Giao cháu Phạm Huy T cho chị Nguyễn Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Văn B vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Văn B vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0009800, ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã An Thạnh Nam, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh